

HƯỚNG DẪN LÀM CÁC DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC THƯỜNG GẶP

Thống kê các dạng đề nghị luận văn học, dàn ý của từng kiểu bài.

1. Dạng đề Nghị luận về bài thơ, đoạn thơ
2. Dạng đề phân tích cảm nhận về đoạn trích văn xuôi
3. Dạng đề nghị luận về tình huống truyện
4. Dạng đề phân tích/ cảm nhận nhân vật trong tác phẩm...
5. Dạng đề so sánh, đối chiếu: hai nhân vật, hai chi tiết, hai tư tưởng, hai đoạn thơ, hai hay nhiều bài thơ...
6. Dạng đề bình luận một ý kiến bàn về văn học.
7. Dạng đề nghị luận hai ý kiến bàn về văn học.
8. Dạng đề tích hợp nghị luận xã hội : Phân tích, cảm nhận về tác phẩm, sau đó liên hệ thực tế. Đây là kiểu bài nghị luận về vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học

Dàn ý của từng kiểu bài :

1. Cách làm dạng đề nghị luận về bài thơ, đoạn thơ

Có các kiểu ra đề như :

- 1/ Phân tích toàn bộ bài thơ.
- 2/Phân tích một đoạn thơ.
- 3/ Phân tích một khía cạnh trong đoạn thơ, bài thơ.
- 4/ Phân tích một hình ảnh, chi tiết trong bài thơ.
- 5/So sánh giữa hai bài thơ, hai đoạn thơ.
- 6/Nghị luận ý kiến bàn về bài thơ, đoạn thơ

Dàn ý chung cho dạng đề nghị luận về bài thơ, đoạn thơ.

Mở bài:

+ Giới thiệu tác giả và bài thơ, đoạn thơ cần phân tích chép nguyên văn đoạn thơ trong đề bài, nếu là đoạn thơ dài thì chỉ cần chép hai câu đầu, chấm chấm, rồi chép câu cuối).

- + Giới thiệu ý kiến bàn về bài thơ (nếu đề bài yêu cầu nghị luận về ý kiến)
- + Giới thiệu vấn đề nghị luận.
- + Nếu là dạng đề so sánh hai bài thơ, hai đoạn thơ thì mở bài phải giới thiệu cả hai tác giả và hai bài thơ.

Phần mở bài chỉ cần nêu ngắn gọn nét chính về tác giả tác phẩm (vài dòng)

Thân bài:

- + Khái quát về phong cách tác giả, hoàn cảnh sáng tác, nội dung chính, ... của bài thơ
- + Nêu vị trí đoạn thơ, thể thơ, chú ý âm điệu, giọng điệu
- + Phân tích cụ thể :

Có thể bỏ ngang : phân tích từng khổ, từng dòng, nếu là thơ Đường luật thì phân tích theo từng cặp Đề – Thực- Luận -Kết .Riêng đối với thơ tứ tuyệt (ví dụ một số bài thơ của Hồ Chí Minh trong Nhật kí trong tù), cách thức thông thường là chia theo cấu trúc: khai, thừa, chuyển, hợp; hoặc chia thành hai câu đầu và hai câu cuối (tùy từng bài cụ thể).

Có thể bỏ đọc bài thơ : Phân tích theo hình tượng, theo nội dung xuyên suốt bài thơ.Đưa các nội dung chính của bài thơ, đoạn thơ thành các luận điểm lớn, nếu đề yêu cầu cảm nhận đoạn thơ, câu thơ, thì các em chia nhỏ các nội dung có trong đoạn, trong câu, biến chúng thành các luận điểm lớn để đi sâu cảm nhận.

Chú ý những hình ảnh biểu tượng, những lời nói ví von so sánh, những biện pháp nghệ thuật tiêu biểu . Khi phân tích thì thao tác giảng giải, cắt nghĩa là quan trọng nhất, nhằm giúp cho người đọc hiểu được ý nghĩa của các hình ảnh biểu tượng, ý nghĩa của từ ngữ, câu thơ, đoạn thơ.

Trong quá trình phân tích, luôn luôn hướng đến sự tổng hợp, khái quát ở từng cấp độ sao cho thích hợp để rồi tiến tới những khái quát lớn của toàn bài. Phân tích phải đi kèm với đánh giá và bình luận, tránh diễn nôm bài thơ.Mỗi đoạn văn các em nên viết theo cách diễn dịch hoặc quy nạp, nhớ trình bày rõ câu chốt, câu diễn giải, câu dẫn chứng, câu khái quát nội dung đoạn, câu chuyển đoạn linh hoạt.

Kết bài: Đánh giá khái quát về bài thơ, đóng góp riêng của tác giả

Những đoạn thơ trọng tâm trong chương trình thi THPT Quốc Gia

- **Tây Tiến – Quang Dũng: Đoạn 1-2-3**
- **Việt Bắc – Tố Hữu:**
 - ✓ 8 câu đầu bài thơ Việt Bắc
 - ✓ Đoạn: Nhớ gì như nhớ người yêu...

- ✓ Chày đêm nện cối đều đều suối xa
- ✓ Đoạn Bức tranh tứ bình : Ta về mình có nhớ ta.... Thuỷ chung
- ✓ Đoạn Việt Bắc trong kháng chiến : Những đường Việt Bắc của ta...Đèo De núi Hồng

- **Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm (Trích trường ca Mặt đường khát vọng)**

Bài này dài, các em cần chú ý những đoạn tiêu biểu sau :

- ✓ Khi ta lớn lên Đất nước đã có rồi....Đất nước có từ ngày đó
 - ✓ Đất là nơi anh đến trường...Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ tổ
 - ✓ Trong anh và em hôm nay...làm nên đất nước muôn đời
 - ✓ Em ơi em hãy nhìn rất xa....đất nước của ca dao thần thoại
- **Sóng – Xuân Quỳnh:** Bài này khổ nào cũng quan trọng, có thể phân tích từng khổ, hoặc phân tích cả bài để chứng minh nhận định.
- **Đàn ghi ta của Lor-Ca – Thanh Thảo:** Cả bài, chú ý hình tượng nhân vật Lor- ca

Ví dụ minh họa: Phân tích bức tranh tứ bình- Việt Bắc

Ta về, mình có nhớ ta ?

Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng,

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

Ve kêu rừng phách đổ vàng,

Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Rừng thu trăng rọi hòa bình,

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Các ý chính cần đạt:

- Hai dòng thơ đầu là lời khẳng định về nỗi nhớ thương da diết và tình cảm thủy chung của người ra đi dành cho quê hương Việt Bắc. Nỗi nhớ đã làm sống dậy trong tâm tưởng hình ảnh thiên nhiên, con người nơi chiến khu cách mạng.
- Thiên nhiên Việt Bắc đẹp trong sự đan cài với vẻ đẹp của con người “hoa” cùng “người”: Đoạn thơ có bốn cặp câu lục bát: câu 6 miêu tả thiên nhiên, câu 8 miêu tả con người.
- Thiên nhiên Việt Bắc hiện lên trong vẻ đẹp bốn mùa:
 - + Mùa đông trên nền xanh bạt ngàn cây lá bỗng bất ngờ hiện lên sắc màu đỏ tươi của hoa chuối. Màu đỏ ấy làm ấm cả không gian
 - + Mùa xuân với sắc trắng của hoa mơ- loài hoa đặc trưng của Việt Bắc, 1 màu trắng miên man, tinh khiết, đẹp đến nao lòng.
 - + Mùa hè, với tiếng ve kêu vang ngân và sắc vàng của rừng phách.
 - + Mùa thu với ánh trăng chan hòa trên mặt đất, đem lại không khí bình yên.
- Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm của bức tranh tứ bình, tạo nên sức sống của thiên nhiên cảnh vật. Những con người Việt Bắc hiện về trong nỗi nhớ thật thân quen, bình dị, thâm lặng trong những công việc của đời thường:
 - + Mùa đông trở nên ấm áp với “ánh nắng dao giải thắt lưng”.
 - + Bức tranh mùa xuân hòa cùng với dáng vẻ cần mẫn chút chằm của “người đan nón”
 - + Bức tranh mùa hè hoá dịu dàng với hình ảnh cô em gái hái măng một mình
 - + Mùa thu là tiếng hát nghĩa tình thủy chung của con người cất lên giữa đêm trăng.
- **Đoạn thơ mang nét đẹp cổ điển mà hiện đại**
 - + Vẻ đẹp cổ điển: Bức tranh tứ bình hiện lên qua những nét gợi tả
 - + Vẻ đẹp hiện đại: Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm, tạo nên vẻ đẹp, sức sống của bức tranh.

Bài làm:

“Việt Bắc” là một trong những tập thơ hay nhất của Tố Hữu. Tập thơ này chủ yếu viết về thời kỳ kháng chiến chống Pháp, trong đó “Việt Bắc” được xem là đỉnh cao của thơ Tố Hữu. Bài thơ là một bức tranh trữ tình mà hoành tráng, bao quát cả một diện lớn về thời gian suốt 15 năm “Nhớ khi kháng Nhật thưở còn Việt Minh”, trên một không gian là toàn bộ Việt Bắc, kéo tràn sang Tây Bắc. Bút của Tố Hữu ở bài thơ này tỏ ra rất dồi dào. “Việt Bắc” là một bài thơ dài, không phải đoạn nào viết cũng đều tay. Nhưng có những đoạn quả thật là đặc sắc mà ở đó người đọc thấy được vẻ đẹp của ngòi bút Tố Hữu:

Ta về, mình có nhớ ta ?

Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng,

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

Ve kêu rừng phách đổ vàng,

Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Rừng thu trăng rọi hòa bình,

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Tố Hữu được xem là ngọn cờ đầu của thơ ca cách mạng. Nói đến Tố Hữu là nói đến một tiếng thơ trữ tình – chính trị. Suốt cả đời mình, Tố Hữu đã viết về lý tưởng lớn, lẽ sống lớn, niềm vui lớn, tình cảm lớn của người cách mạng. Người ta vẫn nói ở Tố Hữu có sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố cổ điển, dân gian và yếu tố cách mạng hiện đại. Có lẽ vì thế mà thơ Tố Hữu có khả năng thấm sâu vào tâm hồn quần chúng nhân dân. Cho đến nay, Tố Hữu đã cho xuất bản 6 tập thơ: “Từ ấy”, “Việt Bắc”, “Gió lộng”, “Ra trận”, “Máu và hoa”, và gần đây nhất là “Một tiếng đờn”. Những tập thơ ấy đều gắn liền, tương ứng với những chặng đường lớn của cách mạng Việt Nam. Có lẽ vì thế mà có người đã gọi thơ Tố Hữu là cuốn “biên niên sử bằng thơ của cách mạng Việt Nam”. Nghĩa là cho đến nay, Tố Hữu đã hoàn chỉnh một phong cách thơ của mình, một cuộc đời thơ của mình.

Đoạn thơ trên là một trong những đoạn tiêu biểu của bài VB. Tất cả chỉ có 10 câu, tập trung nói đến một chủ đề nhưng nó đã đạt đến sự toàn bích. Đoạn thơ này dễ thể chia làm hai phần: phần đầu gồm hai câu. Nó như lời mở đầu đưa đẩy trong các cuộc hát giao duyên. Trong đó người con trai (người về xuôi) vừa ướm hỏi lòng người ở lại, vừa khẳng định những tình cảm trong lòng mình. Phần sau gồm 8 câu chia thành 4 cặp lục bát. ở mỗi cặp, cứ câu lục tả hoa thì câu bát tả người. Nó là một bức tranh tứ bình diễn tả hoa và người Việt Bắc trong bốn mùa bằng những nét đặc trưng nhất của miền đất này. Có thể nói, cảnh sắc thiên nhiên Việt Bắc tuy được mô tả rải rác trong cả bài thơ nhưng dường như nó được kết tinh vào đoạn này một cách hàm súc, cô đúc nhất.

Chúng ta biết bài thơ được viết theo hình thức hát đối đáp của dân gian. Hai câu thơ đầu, về chức năng đối đáp, là hai

câu đưa đẩy để nối liền các mảng đề tài trong một cuộc hát. Đó là người con trai ướm hỏi người con gái:

Ta về mình có nhớ ta

Lời hỏi vẫn có cái giọng tình tứ, với cách xưng hô ta mình – mình ta. Nhưng quan trọng hơn vẫn là ở sự cao nhã trong tình cảm. Ta về chẳng biết mình có nhớ ta không, nhưng ngay cả khi mình không nhớ ta thì ta vẫn cứ nhớ mình. Mà nỗi nhớ mới duyên dáng và tế nhị làm sao:

Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

Như vậy là người ra đi khẳng định tình cảm của mình bằng nỗi nhớ mà là nhớ về những gì đẹp nhất của Việt Bắc. Đó là hoa và người. Trong nỗi nhớ của người đi hai hình ảnh này là đồng hiện, soi chiếu vào nhau. Hoa là thứ đẹp nhất của thiên nhiên, còn người ta lại là “hoa của đất”. Vì vậy, hễ nhớ đến người thì hiện bóng hoa, hễ nhớ về hoa thì hiện hình người. Hoa và người không thể tách rời. Mà nói với một người con gái, lại nói “hoa cùng người” thì đó chẳng phải là một lời đánh giá kín đáo hay sao?

Và như thế, chủ đề của đoạn thơ đã được giới thiệu. Đó là hoa cùng người Việt Bắc.

Tranh tứ bình là một trong những loại hình rất phổ biến trong nghệ thuật trung đại. Nó thường là một bộ tranh gồm bốn bức mô tả bốn mặt của một đối tượng nào đấy. Vì vậy, tự nó đã có tính hoàn chỉnh riêng. Thậm chí tự nó là một cách khái quát riêng, một thế giới riêng. Ta đã từng gặp những bộ tứ bình như: tùng – trúc – cúc – mai, xuân – hạ – thu – đông (tứ quý), ngư – tiều – canh – mục, long – li – quy – phượng, cầm – kỳ – thi – họa... Trong thơ ca chúng ta cũng từng gặp rất nhiều, đó là cảnh “Trông bốn bề” trong “Chinh phụ ngâm”, đoạn “buồn trông” khi Kiều ở lầu Ngưng Bích, đoạn thơ mô tả bốn cảnh thuộc thời oanh liệt của con hổ trong “Nhớ rừng” của Thế Lữ... Những bức tranh tứ bình này giúp cho nhà thơ mô tả được một cách toàn diện và thâu tóm những gì là đặc trưng nhất. Tố Hữu đã sử dụng lối vẽ tranh tứ bình khá nhuần nhuyễn trong nhiều bài, đoạn thơ này có thể xem là bộ tranh tứ bình tứ quý về “hoa và người” của 4 mùa Việt Bắc.

Mở đầu là một hình ảnh có tính khái quát, trong đó Việt Bắc hiện lên như một miền quê thật lặng lẽ:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Gam màu cơ bản của bức tranh này là màu xanh. Đó là một màu xanh mênh mông và trầm tĩnh của rừng già. Nó gợi ra hình ảnh một xứ sở êm đềm, lặng lẽ, tĩnh. Nhưng trên cái nền xanh ấy, chúng ta nhìn thấy hình ảnh hoa chuối rừng bập bùng cháy như những bó đuốc. Ai đã biết hoa chuối nở, sẽ thấy rằng tuy tác giả chỉ viết hai chữ “đỏ tươi” nhưng cũng đủ gợi cho chúng ta biết hoa chuối đã làm sáng lên cả một góc rừng. Thế là hoa chuối làm cho cảnh rừng trở nên sống động hơn. Đồng thời hình ảnh hoa chuối lại được tô điểm thêm những tia nắng ở câu thứ hai càng làm cho không khí vốn trầm mặc ở nơi này trở nên tươi sáng và linh động. Trên nền cảnh ấy, hình ảnh con người xuất hiện: “Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”. Người đứng trên đỉnh đèo cao, ánh nắng chiếu vào lưỡi dao trên thắt lưng, loé sáng. Nó gợi được một tư thế vững chãi, tự tin của người làm chủ núi rừng. Tố Hữu thường mô tả con người trong tư thế ấy. Trong bài “Lên Tây Bắc” tác giả có viết:

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều

Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo

Núi không đè nổi vai vươn tới

Lá ngụy trang reo với gió đèo.

Cũng là một hình ảnh ấy nhưng ở đoạn thơ trên, Tố Hữu phải viết bằng 4 câu thơ 28 chữ. Còn ở bài Việt Bắc này dường như nhà thơ đã cô đúc vào 8 chữ. Nhà thơ không vẽ kỹ mà chỉ chấm phá vài nét song cũng đủ cho ta hình dung khá rõ về hình tượng. Vậy là, tương ứng với một cảnh hoa là một dáng điệu người, mỗi dáng điệu toát lên một phẩm chất của người Việt Bắc.

Bức tranh thứ hai:

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

Đến đây nên xanh trầm tĩnh đã nhường chỗ cho nền trắng tinh khiết của hoa mơ rừng. Hai chữ “trắng rừng” khiến cảnh rừng như bừng sáng. Phải nói rằng đây là một hình ảnh có sức ám ảnh lớn đối với hồn thơ Tố Hữu. Việt Bắc trong nỗi nhớ của Tố Hữu dường như không thể thiếu được sắc hoa này. Về sau, trong bài “Theo chân Bác”, Tố Hữu sẽ viết:

Ôi sáng xuân nay, xuân 41

Trắng rừng biên giới nở hoa mơ

Bác về. Im lặng. Con chim hót

Thánh thót bờ lau vui ngẩn ngơ.

Trên nền cảnh ấy hiện ra hình ảnh người Việt Bắc trong một công việc thầm lặng: “Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang”. Hai chữ “chuốt từng” gợi ra được dáng điệu cần mẫn, cẩn trọng và tài hoa. Không biết người đan nón kia gửi vào từng sợi giang nỗi niềm gì, ước mơ gì?

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Trong những bức tranh trên, chúng ta mới chỉ thấy màu sắc, đường nét và ánh sáng. Đến đây chúng ta còn nghe thấy được âm thanh của rừng, đó là tiếng nhạc ve. Nhạc ve làm cho không khí trở nên xao động. Phải nói rằng trong các bức tranh ở đây thì Việt Bắc mùa hè là đặc sắc hơn cả. Trong câu thơ, chúng ta thấy dường như có một phản ứng dây chuyền chạy từ đầu đến cuối câu thơ. Ve kêu gọi hè đến, hè đến làm cho những rừng phách ngả sang màu vàng. Ai đã lên Việt Bắc, dễ thấy hình ảnh kỳ lạ của những cánh rừng phách. Trong những ngày cuối cùng của mùa xuân, những cây phách vẫn là màu xanh, nụ hoa vẫn náu kín trong những kẽ lá «, Nhưng khi những tiếng ve đầu tiên của mùa hè cất lên thì chúng nhất loạt trở hoa vàng. Chỉ cỡ vài ba ngày mà những rừng phách đã lênh láng sắc vàng. Chữ “đổ” là một

chữ tinh tế. Nó nhấn mạnh vào khía cạnh mau lẹ trong việc biến đổi màu sắc, đồng thời diễn tả những trận mưa hoa vàng rừng phách mỗi khi có một luồng gió ào qua. Bờ rừng, gam màu đến đây đã thay đổi hẳn, sắc trắng đã nhường chỗ hẳn cho sắc vàng. Đường như âm thanh đã làm đổi thay màu sắc. Trên nền cảnh ấy xuất hiện một hình ảnh lao động đầy kiên nhẫn của một cô gái Việt Bắc: “Nhớ cô em gái hái măng một mình”. Hình ảnh này làm toát lên dáng điệu chịu thương, chịu khó, hay lam hay làm, giàu đức hy sinh. Bao bọc lên hình ảnh này dường như chúng ta thấy sự cảm thương kín đáo của người viết.

Bộ tranh này kết thúc bằng bức tranh thu. Ba bức tranh trên là cảnh ngày, riêng bức này là cảnh đêm. Bức tranh vẽ ra những ánh trăng rơi qua vòm lá tạo thành một khung cảnh huyền ảo: “Rừng thu trăng rơi hoà bình”. Nó xui khiến ta nhớ đến một câu thơ cũng viết về đêm rừng Việt Bắc của Hồ Chí Minh: “Trăng lồng cò thụ bóng lồng hoa”. Đây đúng là khung cảnh trữ tình dành cho những cuộc hát giao duyên. Cho nên nó là cảnh cuối cùng: “Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung”. Chữ “ai” là cách nói bóng gió, ám chỉ người đang hát cùng với mình, làm cho lời lẽ trở nên tình tứ hơn. Và qua tiếng hát chúng ta thấy được phẩm chất ân tình, chung thuỷ của người Việt Bắc.

Tóm lại, bốn bức tranh, bốn cảnh sắc, bốn dáng điệu. Tô Hữu đã thu tóm được những gì là đặc trưng nhất của quê hương cách mạng. Điều thú vị là tất cả đều hiện lên trong điệp khúc nhớ thương. Những chữ “nhớ” đứng ở đầu câu tạo nên âm hưởng rất mặn mà, da diết của nỗi nhớ. Trong nỗi nhớ tất cả đều hiện lên lung linh hơn, huyền ảo hơn.

2. Cách làm bài nghị luận về đoạn trích văn xuôi

Đối tượng của kiểu bài này rất đa dạng: Có thể là giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích nói chung, có thể chỉ là một phương diện, thậm chí một khía cạnh nội dung hay nghệ thuật của đoạn trích đó.

Yêu cầu của bài văn nghị luận về một đoạn trích văn xuôi:

Ngoài yêu cầu chung của một bài văn nghị luận : bố cục bài viết rõ ràng; trình bày ý khoa học; hành văn có cảm xúc, linh hoạt; dẫn chứng phải chính xác... Bài văn nghị luận về một đoạn trích văn xuôi cũng có những yêu cầu riêng :

– Phải phân biệt được nghị luận về một đoạn trích và nghị luận về một tác phẩm. Nghĩa là tránh việc đề cập tới tất cả các nội dung của tác phẩm còn nội dung của đoạn trích lại sơ lược.

– Tập trung vào đoạn trích nhưng phải biết vận dụng kiến thức của toàn tác phẩm như nội dung tư tưởng, cách kể chuyện, cách sử dụng chi tiết, cách xây dựng nhân vật, các biện pháp tu từ. Nhất thiết phải đặt đoạn văn trong chỉnh thể của tác phẩm mới có cách đánh giá chính xác.

Các bước làm bài :

a) Bước 1: Phân tích đề – xác định các yêu cầu của đề:

– Xác định dạng đề;

- Yêu cầu nội dung (đối tượng);
- Yêu cầu về phương pháp;
- Yêu cầu phạm vi tư liệu, dẫn chứng.

Học sinh cần đọc kĩ đoạn trích; xác định được yêu cầu của đề; triển khai luận điểm, luận cứ phù hợp; biết vận dụng các thao tác nghị luận để viết bài văn.

b) Bước 2: Lập dàn ý – tìm ý, sắp xếp ý: Theo bố cục ba phần

– Mở bài:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, đoạn trích văn xuôi cần nghị luận.
- Giới thiệu vấn đề nghị luận

– Thân bài: Phân tích những giá trị nội dung, nghệ thuật tác phẩm, đoạn trích để làm rõ vấn đề cần nghị luận hoặc một số khía cạnh đặc sắc nhất của đoạn trích.

– Kết bài: Đánh giá chung về tác phẩm, đoạn trích.

c) Bước 3: Viết bài.

Dựa theo dàn bài đã xây dựng, viết thành bài văn hoàn chỉnh.

Chú ý viết đoạn văn phải thể hiện được nổi bật luận điểm và chứng minh bằng những luận cứ rõ ràng. Các đoạn phải có liên kết, chuyển tiếp nhau.

d) Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa.

Ví dụ minh họa:

Trong truyện ngắn Vợ chồng A Phủ, khi Mị bị A Sử trói vào cột, Tô Hoài viết:

“Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. “ Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào...”. Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa”.

(Vợ chồng A Phủ – Tô Hoài)

Từ đoạn văn trên, anh/ chị hãy làm rõ hình ảnh nhân vật Mị và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn.

Đề bài đặt ra hai yêu cầu: hình ảnh nhân vật Mị và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn.

Mở bài:

– Giới thiệu tác giả, tác phẩm: có thể chọn lọc cá ý sau đây để đưa vào mở bài:

Năm 1952 Tô Hoài đi cùng với bộ đội vào giải phóng Tây Bắc. Trong chuyến đi này nhà văn đã có dịp sống gần bó với đồng bào các dân tộc thiểu số (Thái, Mường, Mông, Dao..) nên đã để lại nhiều kỉ niệm, hiểu biết về cuộc sống con người miền núi Thôi thúc Tô Hoài viết ” Truyện Tây Bắc” trong đó có “Vợ chồng A Phủ”

“Vợ chồng A Phủ” (1952) in trong tập truyện “Tây Bắc”. Truyện được giải nhất Truyện và kí VN năm 1954- 1955. Tác phẩm gồm hai phần , đoạn trích trong sách giáo khoa là phần một.

- Giới thiệu đoạn trích cần nghị luận (Không cần chép hết đoạn trích vào bài thi nhé)
- Vấn đề nghị luận: hình ảnh nhân vật Mị và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn.

Thân bài:

Luận điểm 1: Khái quát về tác phẩm và vị trí đoạn trích (ngắn gọn)

Luận điểm 2: Phân tích đoạn trích để làm nổi bật vấn đề

Học sinh phải tách tách thành hai ý theo yêu cầu của đề bài. Trong mỗi ý lớn, học sinh phải xác định được các ý nhỏ.

1. Hình ảnh nhân vật Mị

– Mị có khát vọng sống mãnh liệt (Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. “ Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào...”).

+ Mị vốn là một cô gái yêu đời, có khát vọng sống mãnh liệt. Dù bị trả đũa nghiệt ngã nhưng khát vọng ấy đã trỗi dậy trong đêm tình mùa xuân.

+ Nếu ban đầu, tiếng sáo còn là yếu tố ngoại cảnh, giờ đây tiếng sáo đã nhập hẳn vào tâm hồn Mị. Mị đang sống trọn với nó. Tiếng sáo là tiếng gọi của tình yêu, tình đời; tiếng sáo vẫn tha thiết, giục giã; tiếng sáo đã đánh thức khát vọng sống nơi Mị.

– Số phận của Mị (Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa).

+ Mị bừng tỉnh, dây trói của A Sử làm Mị nhận ra hiện thực nghiệt ngã. Khát vọng sống của Mị đã bị chặn đứng.

+ Mị nghĩ mình không bằng con ngựa và thực tế cuộc đời Mị không bằng con ngựa (Mị là con dâu gặt nợ, là thân phận nô lệ, bị giam hãm...)

-> Tấm lòng của nhà văn.

2. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn

– Nhà văn như đã nhập thân vào nhân vật Mị và miêu tả diễn biến tâm lí theo một trình tự hợp lí :

+ Để đánh thức sức sống đang tiềm tàng trong Mị, nhà văn trả lại cho Mị kí ức đẹp.

+ Đang sống trong quá khứ mà quên cả hiện tại đang bị trói nên Mị vùng bước đi.

+ Khi nỗi đau thể xác ập đến, thế giới mộng tưởng bị dập tắt, Mị không nghe tiếng sáo nữa mà nghe tiếng chân ngựa.

– Sử dụng yếu tố ngoại cảnh có hiệu quả : hơi rượu, tiếng sáo, bài hát quen thuộc.

-> Tài năng của nhà văn

Kết bài: đánh giá chung

Những đoạn trích văn xuôi cần lưu ý trong kì thi THPT quốc gia

Tuyên ngôn độc lập - Hồ Chí Minh

Đoạn mở đầu : “Hỡi đồng bào cả nước....Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”

Vợ chồng A Phủ – Tô Hoài

- Cảm nhận đoạn trích: “Ngoài đầu núi, đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi [...] Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Bây giờ Mị cũng không nói. Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ[...] không biết sáng tự bao giờ”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn[...] Hai người đỡ nhau lao xuống dốc núi”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Lần lần mấy năm qua, mấy năm sau[...] Đến bao giờ chết thì thôi”.

Vợ nhặt – Kim Lân

- Cảm nhận đoạn trích: “Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào[...] Thị có vẻ rón rén, e thẹn”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Thị lẳng lẳng theo hắn vào trong nhà [...] ấy thế mà thành vợ thành chồng”.

- Cảm nhận tâm trạng bà cụ Tứ qua đoạn trích: “Ngoài ngõ có tiếng người húng hắng ho[...]nước mắt chảy xuống ròng ròng”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Sáng hôm sau mặt trời lên bằng con sào [...] tu sửa lại căn nhà”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại [...] lá cờ đỏ bay phấp phới”.
- Cảm nhận đoạn trích: Bà lão cúi đầu nín lặng.... chúng mày về sau

Rừng xà nu – Nguyễn Trung Thành.

- Cảm nhận đoạn trích: “Làng ở trong tầm đại bác [...] đòi xà nu nổi tiếp tới chân trời”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Tnú không cứu sống được Mai [...] chúng nó đã cầm súng mình phải cầm giáo”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Một ngón tay Tnú bốc cháy [...] mang từ đỉnh núi Ngọc Linh về”.
- Giải thích và bình luận câu nói của cụ Mết: “Chúng nó đã cầm súng mình phải cầm giáo”.
- Giải thích và bình luận câu nói của cụ Mết: “Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã cây con mọc lên. Đố chúng nó giết hết được cả rừng xà nu này”.

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ – Nguyễn Tuân

- Cảm nhận đoạn văn: “Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá...gây đánh phen”
- Cảm nhận đoạn văn : “Thạch trận dàn bày vừa xong...Thế là hết thác”. (Đoạn này chủ yếu phân tích cảnh vượt thác của người lái đò.
- Cảm nhận đoạn: “Con sông Đà tuôn dài...nổi niềm cổ tích tuổi xưa”. (Chủ yếu là vẻ đẹp trữ tình)

So sánh cảnh vượt thác và cảnh cho chữ.

AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG – Hoàng Phủ Ngọc Tường

- Cảm nhận đoạn “Trong các dòng sông đẹp ở các nước...bát ngát tiếng gà”.
- Cảm nhận đoạn: “Từ đây như tìm thấy đường về...mãi chung tình với quê hương xứ sở

3. Cách làm dạng đề phân tích tình huống truyện trong tác phẩm văn học

Cách làm dạng đề phân tích tình huống truyện trong tác phẩm văn học:

1) khái niệm tình huống truyện

- Tình huống truyện có thể hiểu là hoàn cảnh, bối cảnh tạo nên câu chuyện

- Là mối quan hệ đặc biệt giữa nhân vật này với nhân vật khác; giữa hoàn cảnh và môi trường sống với nhân vật. Qua đó nhân vật bộc lộ tình cảm, tính cách hay thân phận góp phần thể hiện sâu sắc tư tưởng của tác giả.

2) phân loại tình huống

- Tình huống tâm trạng
- Tình huống hành động
- Tình huống nhận thức

3) Các bước phân tích tình huống truyện trong tác phẩm văn học:

A/ Xác định tình huống : trả lời câu hỏi : chuyện kể về ai? ở đâu? khi nào? xảy ra như thế nào? mối quan hệ giữa các nhân vật? mối quan hệ giữa nhân vật với môi trường, hoàn cảnh có gì đặc biệt

B/ Phân tích tình huống truyện : phân tích cụ thể câu chuyện

C/ Ý nghĩa tư tưởng của tình huống truyện :

- Thể hiện chủ đề tác phẩm
- Khắc họa tính cách, phẩm chất nhân vật
- Lôi cuốn, hấp dẫn cho câu chuyện

Ví dụ minh họa:

1) Tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân

A/ Xác định tình huống

Sau khi lướt qua các tình tiết chính của truyện này, ta dễ dàng thấy rằng hạt nhân của truyện ngắn Vợ nhặt là một cuộc hôn nhân oái ăm, kì lạ. Và đó chính là cái “tình thế nảy ra truyện”, cái tình huống của câu chuyện: Tràng – anh nông dân nghèo thô kệch, dân ngụ cư bỗng “nhặt” được vợ trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

B/ Phân tích tình huống truyện

- Việc Tràng “nhặt vợ” tạo ra sự lạ lùng, ngạc nhiên đối với tất cả mọi người:
 - + Khi Tràng dẫn vợ về thì cả xóm ngụ cư ngạc nhiên. Trước hết là lũ trẻ. “Lũ ranh” ấy bỗng nhiên mất hẳn đi một bạn chơi, khi có đứa chột nhận ra quan hệ của họ là “chồng vợ hài”. Còn đám người lớn thì ngó ra “không tin được dù đó là sự thật”. Khi đã rõ, họ tò mò thì ít mà ái ngại nhiều hơn: “Giời đất này còn rước cái của nợ đời về”.

+ Tiếp đến là bà cụ Tứ cũng quá đỗi ngạc nhiên: hoàn toàn không tin nổi – không tin vào mắt mình (ngỡ mình trông gà hoá cuốc), không tin vào tai mình (quái, sao lại chào mình bằng “u”).

+ Ngay cả Tràng vẫn không hết ngạc nhiên vì mình được vợ: chẳng những cứ đứng “tây ngây” giữa nhà tối hôm trước mà đến tận hôm sau, qua một đêm có vợ rồi nhưng “hắn cứ lơ lửng như người đi ra từ trong một giấc mơ”.

- Tình huống “nhặt vợ” là tình huống oái ăm, kì lạ:

+ Tràng – một gã trai nghèo khổ, thô kệch, lại là dân ngụ cư, lâu nay ế vợ, bỗng dưng “nhặt” được vợ, mà lại là vợ theo không.

+ Tràng lấy vợ vào lúc không ai lại đi lấy vợ – giữa những ngày nạn đói đang lăm le cướp đi mạng sống của mỗi người.

+ Một đám cưới thiếu tất cả mà lại như đủ cả (thiếu tất cả những lễ nghi tối thiểu nhất của một đám cưới, nhưng nó lại có cái quan trọng nhất, cốt lõi nhất: sự thương yêu gắn bó thực lòng).

- Tâm trạng của những nhân vật trước tình huống này chứa đầy những cảm xúc ngổn ngang, mâu thuẫn và các nhân vật có sự thay đổi về tính cách:

+ Bà cụ Tứ vui vì cuối cùng con mình cũng có vợ nhưng lại tủi vì sự trớ trêu của số phận: có phải thời “tao đoạn” như thế, người ta mới chịu lấy con mình? Bà mẹ nghèo nặng trĩu những lo âu cho tương lai con “liệu chúng nó có nuôi nhau nổi sống qua được cơn đói khát này không?”. Câu hỏi từ đáy lòng của bà mẹ chất chứa nỗi hoang mang, ám ảnh của kiếp nghèo không lối thoát. Trong lời ghen ghét tâm sự có cả sự xót xa, một chút ân hận vì đã không làm được đầy đủ bổn phận của người mẹ đối với con.

+ Tâm trạng của Tràng cũng biến đổi liên tục. Lúc đầu Tràng tỏ ra lo lắng trước cảnh nghèo “... thóc gạo này mà còn đèo bòng”. Sau đó, Tràng chấp nhận đưa vợ về ra mắt với tâm trạng lâng lâng hạnh phúc, ngượng ngịu, bối rối. Sau một ngày có vợ, Tràng cảm thấy vui sướng, hạnh phúc và “nên người”. Tràng nhận ra được trách nhiệm của bản thân đối với gia đình, với mẹ, với vợ và những đứa con sau này. Tràng tin tưởng sự đổi đời ở tương lai.

+ Người vợ nhặt: Trước khi làm vợ Tràng, chị liều lĩnh, chao chát. Khi về làm vợ, chị tỏ ra lễ phép, đảm đang, hiền hậu, biết thu vén gia đình và có hiểu biết về thời sự.

C/ Ý nghĩa tư tưởng của tình huống truyện

- Tố cáo được tội ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật, kẻ đã gây ra nạn đói khủng khiếp, không chỉ cướp đi sinh mệnh của mấy triệu người Việt Nam, mà còn hạ thấp giá trị con người.

- Phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp và sức sống kì diệu của con người: ngay trên bờ vực của cái chết, họ vẫn hướng về sự sống, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

2) Tác phẩm Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi

A/ Xác định tình huống

Đây là câu chuyện về gia đình của anh Giải phóng quân tên Việt. Nhân vật này rơi vào tình huống đặc biệt: trong một trận đánh, Việt bị thương phải nằm lại giữa chiến trường. Anh nhiều lần ngất đi rồi tỉnh lại, tỉnh lại rồi ngất đi. Trong những lúc tỉnh lại ngất đi đó, bao nhiêu kí ức về gia đình, về đồng đội, về bản thân cứ mồn một hiện về lung linh sống động trong tâm trí Việt.

B/ Phân tích tình huống

- Nhờ tình huống truyện, tác phẩm có một lối tự sự riêng. Lối tự sự, kể chuyện không hoàn toàn theo trật tự thời gian mà chủ yếu theo dòng hồi tưởng miên man đứt nối của Việt lúc bị thương nằm lại giữa chiến trường mênh mông bóng tối – bóng tối của màn đêm, bóng tối do đôi mắt bị thương không thể nhìn thấy gì bên ngoài. Chính nhờ cách trần thuật này mà mạch truyện đi về thoải mái giữa quá khứ và hiện tại; giữa cái đang ở trước mặt với cái đã thành kỉ niệm xa xưa.

- Dòng ý thức của Việt chập chờn giữa những lần tỉnh, ngất ấy đã lần lượt tái hiện những gì đã qua, đang có trong đời anh. Dòng nội tâm anh đứt nối, nối đứt đã tái hiện bao nét sinh động cụ thể về chú Năm, má, chị Chiến:

• Nhân vật Má:

- Có cuộc sống cơ cực, nhọc nhằn, khổ đau.
- Rất mực yêu thương chồng con và căm thù giặc sâu sắc: đi đòi đầu chồng; thương con hết mực nhưng rất nghiêm khắc (trong hồi ức chập chờn của Việt, má hiện lên đầu tiên: ghé lại, xoa đầu, đánh thức, lấy com cho Việt ăn...); luôn luôn nhắc nhở con về truyền thống gia đình và mối thù dân tộc; hun đúc, nuôi dưỡng ở con ý chí chiến đấu không mệt mỏi.

• Chú Năm:

- Có giọng hò: tiếng hò vừa nhắc nhở về truyền thống, thấp lên niềm tự hào về quê hương khó nghèo nhưng bất khuất, vừa như lời hiệu triệu, một tiếng trống quân thúc giục động viên thanh niên ra trận.
- Giữ cuốn sổ gia đình, ghi từng ngày thay cho Việt và Chiến -> giữ lửa yêu nước truyền cho các thế hệ.
- Yêu nước, gắn bó với quê hương tha thiết, căm thù giặc sâu sắc.

• Chị Chiến:

- Yêu thương và luôn nhường nhịn Việt, trừ việc giành đi bộ đội với Việt.
- Mang những phẩm chất của má: đảm đang, tháo vát, sắp xếp chu đáo mọi việc trước khi lên đường nhập ngũ; bộc trực, quyết liệt, gan góc, quyết không đội trời chung với kẻ thù.

Qua dòng hồi ức của nhân vật Việt, người đọc thấy hiện lên hình ảnh của một chàng trai mới lớn rất hồn nhiên, vô tư mà dũng cảm, gắn bó với những người thân và giàu tinh thần trách nhiệm với truyền thống của gia đình, quê hương:

+ Tính cách trẻ con, hồn nhiên, vô tư: tranh đi bộ đội, tranh bắt ếch với chị; trong khi chị Chiến lo toan thu xếp việc gia đình thì Việt “lăn kèn ra ván cười”, vừa nghe vừa “chụp một con đom đóm úp trong lòng tay” rồi ngủ quên lúc nào không biết; đi đánh giặc vẫn đeo ná thun; không sợ giặc nhưng lại sợ ma; mỗi lúc tỉnh lại ngoài chiến trường, Việt nhớ về gia đình, thèm được má cưng chiều...

+ Tình cảm gắn bó và ý thức trách nhiệm với truyền thống gia đình:

- Gắn bó, yêu thương những người thân: tình cảm gia đình được thể hiện qua dòng hồi ức của Việt về ba má, chú Năm, chị Chiến...
- Có ý thức trách nhiệm thiêng liêng của một đứa con với truyền thống gia đình: lòng căm thù giặc, khát vọng cầm súng chiến đấu trả thù cho ba má, bảo vệ gia đình, quê hương...
- Chiến đấu gan góc, quả cảm: diệt được xe bọc thép của giặc; bị thương nặng, lạc đồng đội, trong hồi ức đứt nối nhưng luôn thường trực nung nấu: tìm về với anh em, để tiếp tục đấu tranh; một mình ở lại giữa chiến trường nhưng vẫn sẵn sàng trong tư thế chiến đấu...

Cách trần thuật này rất hữu hiệu trong việc thể hiện nội dung tư tưởng chủ đạo: gia đình là cội nguồn sâu thẳm nhất của con người, và truyền thống gia đình là thực sự thiêng liêng, vì nó đã hiện lên trong một thời khắc thiêng liêng.

Cách kể chuyện này có hai tác dụng về nghệ thuật: câu chuyện vừa được kể, cũng là lúc tính cách nhân vật được khắc họa; câu chuyện trở nên mới mẻ, hấp dẫn vì được kể qua con mắt, tấm lòng và bằng ngôn ngữ, giọng điệu riêng của nhân vật.

C/ Ý nghĩa tư tưởng của tình huống truyện

Nhà văn dựng tình huống tâm trạng nên trần thuật theo dòng ý thức của nhân vật. Qua đó thể hiện:

- Phẩm chất anh hùng của người nông dân Nam Bộ với ý tưởng nghệ thuật: người anh hùng là sản phẩm của một thời đại, đồng thời là sản phẩm của một truyền thống gia đình.
- Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình và tình cảm yêu nước, giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

3) Tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu

A/ Xác định tình huống

Truyện ngắn xoay quanh một tình huống chủ chốt: Nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng tìm vào vùng quê miền biển mong chụp được bức ảnh nghệ thuật về làm lịch và tưởng đã thành công khi thu vào ống kính khung cảnh chiếc thuyền ngoài xa đẹp như một giấc mơ. Nhưng ngay sau đó, anh đã phải chứng kiến một nghịch cảnh trớ trêu: cảnh bạo hành trong một gia đình hàng chài vừa bước xuống từ con thuyền ấy. Những ngày sau, cảnh bạo hành đó vẫn tiếp diễn. Chánh án Đẩu đã mời người đàn bà làng chài đến tòa án để giải quyết chuyện gia đình của chị.

B/ Phân tích tình huống

- Tình huống truyện được tạo nên bởi nghịch cảnh giữa vẻ đẹp chiếc thuyền ngoài xa với cái thật gần là sự ngang trái trong gia đình thuyền chài. Sau nhiều ngày “phục kích”, Phùng mới được “một cảnh “đắt” trời cho”. Nó giống như “một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ”. Toàn bộ khung cảnh “từ đường nét đến ánh sáng đều hài hòa và đẹp, một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích”. Nhưng oái oăm thay, cảnh đẹp nhất, có hồn nhất lại là cảnh ẩn chứa những điều tệ hại nhất, xót xa nhất: bước ra từ thuyền là một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi; một người đàn ông to lớn dữ dằn; một cảnh tượng tàn nhẫn: gã chồng đánh đập vợ một cách thô bạo; đứa con thương mẹ, đánh lại cha.
- Cuộc gặp gỡ của Đẩu, Phùng và người đàn bà hàng chài ở tòa án đã đẩy tình huống truyện lên tầm cao của giá trị nhận thức. Chánh án Đẩu đứng về phía người vợ để khuyên chị ly hôn nhưng thật bất ngờ, bằng những lý lẽ rất chân tình, người vợ từ chối, thậm chí van xin tòa án cho chị không bỏ chồng. Theo chị, gã chồng là chỗ dựa quan trọng của người phụ nữ làng chài, nhất là khi biển động phong ba. Hơn nữa, chị còn có những đứa con, chị phải sống vì con, sống cho con chứ không thể sống vì bản thân. Và trên thuyền cũng có những lúc vợ chồng con cái sống vui vẻ.

Qua câu chuyện của người đàn bà ở tòa án, chúng ta hiểu thêm về nguyên nhân bị kịch và tính cách của các nhân vật:

- + Gánh nặng mưu sinh đã làm cho người chồng thay đổi tính cách từ hiền lành sang thô bạo. Người chồng vừa là nạn nhân của cuộc sống đói nghèo vừa là thủ phạm gây ra nỗi đau cho vợ và con.
- + Người vợ là một phụ nữ nhẫn nhịn, cam chịu, giàu lòng vị tha, bao dung, giàu lòng thương con. Chị thấu hiểu sâu sắc lẽ đời.
- + Đẩu hiểu được nguyên do người đàn bà không thể bỏ chồng là vì những đứa con. Anh vỡ lẽ ra nhiều điều trong cách nhìn nhận cuộc sống. Anh hiểu rằng, con người và cuộc sống phong phú, phức tạp chứ không dễ dàng lý giải và can thiệp như anh tưởng lúc ban đầu.
- + Phùng như thấy chiếc thuyền nghệ thuật ở ngoài xa, còn sự thật cuộc đời lại ở rất gần. Cái đẹp ngoại cảnh anh ngỡ là hoàn hảo, toàn bích có thể che khuất cái bề bộn, ngổn ngang của đời sống. Bề ngoài nhếch nhác, lam lũ, cơ cực lại có thể chứa đựng những vẻ đẹp tiềm ẩn trong con người. Câu chuyện của người đàn bà ở tòa án huyện giúp anh hiểu rõ hơn cái có lí trong cái tưởng như nghịch lí ở gia đình thuyền chài. Anh hiểu thêm tính cách của Đẩu và hiểu thêm chính mình.

C/ Ý nghĩa tư tưởng của tình huống truyện

Tình huống truyện chứa đựng những suy ngẫm, phát hiện sâu sắc của nhà văn về cách để nhìn nhận, đánh giá con người, cuộc sống và về mối quan hệ giữa nghệ thuật với hiện thực, người nghệ sĩ với cuộc đời:

- + Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều mà chứa đựng nhiều nghịch lý. Cần nhìn nhận mọi sự việc, hiện tượng trong hoàn cảnh cụ thể của nó và trong mối quan hệ với nhiều yếu tố khác nữa.
- + Muốn giúp đỡ con người không chỉ dựa vào thiện chí hay kiến thức sách vở mà phải thấu hiểu cuộc sống của họ và có những biện pháp thiết thực.
- + Con người ta luôn phải nhìn lại mình. Hoạt động tự ý thức khiến con người ngày càng hoàn thiện hơn.
- + Nghệ thuật chân chính không bao giờ rời xa cuộc sống. Nghệ thuật chân chính là cuộc sống và phải luôn luôn vì cuộc sống.

4. Dạng đề cảm nhận nhân vật, chi tiết trong tác phẩm

Đây là dạng đề không mới, nhưng hiện nay, xu hướng đề bài chỉ tập trung phân tích một vài khía cạnh của nhân vật, nhất là nghệ thuật xây dựng nhân vật, nên ít nhiều gây ngỡ ngàng cho học sinh.

Dàn ý chung:

Mở bài:

- + Giới thiệu tác giả tác phẩm, nhân vật
- + Giới thiệu vấn đề nghị luận

Thân bài :

1/ Ý khái quát : Vài nét về tác giả tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, nội dung chính của tác phẩm

2/ Phân tích nhân vật theo yêu cầu đề. Có thể chia nhỏ thành các luận điểm :

- + Cuộc đời, Số phận, hoàn cảnh gia đình
- + Ngoại hình
- + Tài năng
- + Tính cách, quan điểm sống,...
- + Phẩm chất
- + Diễn biến tâm trạng.
- + Hành động, lời nói

+ Mỗi quan hệ với cộng đồng, xã hội

+...

Mỗi nhân vật được nhà văn xây dựng theo một phương thức riêng.. Có nhân vật thiên về hành động (ví dụ Trương Phi- Tam quốc diễn nghĩa) , có nhân vật thiên về diễn biến tâm trạng và hành động (Mị- Vợ chồng A phủ), hoặc có nhân vật lại thiên về diễn biến tâm trạng (Bà cụ Tứ- Vợ Nhặt), hoặc có những nhân vật kịch (Trương Ba, Vũ Như Tô) lại thiên về lời nói và hành động kịch. Bởi vậy khi phân tích nhân vật, chúng ta không nhất thiết phải phân tích hết những luận điểm trên. Phân tích nhân vật phải đặt trong mối tương quan với các nhân vật khác, với toàn bộ thiên truyện.

Đề bài yêu cầu phân tích một khía cạnh của nhân vật (Ví dụ phân tích diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều trong đoạn trích Trao Duyên) thì chỉ chú ý phân tích kĩ khía cạnh đó để làm nổi bật vấn đề. Không sa đà kể lể về cuộc đời, hoàn cảnh sống, ngoại hình,... của nhân vật.

Đề bài yêu cầu phân tích nhân vật để chứng minh nhận định thì cần chú ý phân tích những khía cạnh của nhân vật để làm nổi bật vấn đề, chứng minh, làm rõ nhận định đó.

Trong quá trình phân tích có thể so sánh với nhân vật khác để làm nổi bật vấn đề. Lưu ý : so sánh với các nhân vật có điểm tương đồng hoặc cùng thời kì, cùng chủ đề...

3/ Đánh giá về nhân vật:

+ Ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng tác phẩm.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: thành công ở mặt nào: tâm lí, số phận, tính cách phẩm chất, tư tưởng; những thủ pháp và hình ảnh chi tiết đi gắn liền, làm nên nhân vật; ngôn ngữ nhân vật; cách kể về nhân vật...

Kết bài: Có thể đánh giá chung về nhân vật đó, khẳng định giá trị của tác phẩm.

Ví dụ minh họa:

Phân tích vẻ đẹp của nhân vật Huân Cao trong “ Chữ người tử tù” của Nguyễn Tuân?

Hướng dẫn làm bài:

Nguyễn Tuân- một nhà văn nổi tiếng của làng văn học Việt Nam. Ông có những sáng tác xoay quanh những nhân vật lí tưởng về tài năng xuất chúng, về cái đẹp tinh thần như “chiếc ấm đất”, “chén trà sương”... và một lần nữa, chúng ta lại bắt gặp chân dung tài hoa trong thiên hạ, đó là Huân Cao trong tác phẩm “Chữ người tử tù”.

Nhà văn Nguyễn Tuân đã lấy nguyên mẫu hình tượng Cao Bá Quát làm nguồn cảm hứng sáng tạo nhân vật Huân Cao. Họ Cao là một lãnh tụ nông dân chống triều Nguyễn năm 1854. Huân Cao được lấy từ hình tượng này với tài năng, nhân cách sáng ngời và rất đỗi tài hoa.

@ Vẻ đẹp của Huân Cao trước hết là vẻ đẹp của con người nghệ sĩ tài hoa

Huân Cao là một con người đại diện cho cái đẹp, từ cái tài viết chữ của một nho sĩ đến cốt cách ngạo nghễ phi thường của một bậc trượng phu, tấm lòng trong sáng của một người biết quý trọng cái tài, cái đẹp. Huân Cao trước hết là một người có tài viết thư pháp. Chữ viết không chỉ là kí hiệu ngôn ngữ mà còn thể hiện tính cách con người. Cái tài viết chữ của ông được thể hiện qua đoạn đối thoại giữa viên quản ngục và thầy thơ lại. Tài năng của Huân Cao còn được miêu tả qua lời người dẫn truyện và trong suy nghĩ nhân vật. Chữ của Huân Cao “đẹp lắm, vuông lắm”, nét chữ còn thể hiện khí phách hiên ngang, tung hoành bốn bể. Chữ Huân Cao đẹp và quý đến nỗi viên quản ngục ao ước suốt đời. Viên quản ngục đến “mất ăn mất ngủ”; không nỡ hà tính mạng của mình để có được chữ của Huân Cao, “một vật báu ở trên đời”. Chữ là vật báu trên đời thì chắc chắn chủ nhân của nó phải là một người tài năng xuất chúng, phi thường có một không hai, là kết tinh mọi tinh hoa, khí thiêng của trời đất hun đúc lại mà thành. Chữ của Huân Cao đẹp đến như vậy thì nhân cách của Huân Cao cũng chẳng kém gì. Ông là con người tài tâm vẹn toàn.

@ Sự thống nhất của cái tài, cái tâm và khí phách anh hùng ở hình tượng Huân Cao:

Huân Cao có cốt cách ngạo nghễ, phi thường của một bậc trượng phu. Ông theo học đạo nho thì đáng lẽ phải thể hiện lòng trung quân một cách mù quáng. Nhưng ông đã không trung quân mà còn chống lại triều đình để giờ đây khệp vào tội “đại nghịch”, chịu án tử hình. Bởi vì Huân Cao có tấm lòng nhân ái bao la; ông thương cho nhân dân vô tội nghèo khổ, làm than bị áp bức bóc lột bởi giai cấp thống trị tàn bạo thối nát. Huân Cao rất căm ghét bọn thống trị và thấu hiểu nỗi thống khổ của người dân “thấp cổ bé họng”. Nếu như Huân Cao phục tùng bọn phong kiến kia thì ông sẽ được hưởng vinh hoa phú quý. Nhưng không, ông Huân đã lựa chọn con đường khác: con đường đấu tranh giành quyền sống cho người dân vô tội. Cuộc đấu tranh không thành công ông bị bọn chúng bắt. Giờ đây phải sống trong cảnh ngục tối chờ ngày xử chém. Trước khi bị bắt vào ngục, viên quản ngục đã nghe tiếng đồn Huân Cao rất giỏi võ, ông có tài “bẻ khóa, vượt ngục” chứng tỏ Huân Cao là một người văn võ toàn tài, quả là một con người hiếm có trên đời.

Tác giả miêu tả sâu sắc trạng thái tâm lý của Huân Cao trong những ngày chờ thi hành án. Trong lúc này đây, khi mà người anh hùng “sa cơ lỡ vận” nhưng Huân Cao vẫn giữ được khí phách hiên ngang, kiên cường. Tuy bị giam cầm về thể xác nhưng ông Huân vẫn hoàn toàn tự do bằng hành động “dỡ cái gông nặng tám tạ xuống nền đá tảng đánh thuỳnh một cái” và “lãnh đạm” không thèm chấp sự đe dọa của tên lính áp giải. Dưới mắt ông, bọn kia chỉ là “một lũ tiểu nhân thị oai”. Cho nên, mặc dù chịu sự giam giữ của bọn chúng nhưng ông vẫn tỏ ra “khinh bạc”. Ông đứng đầu gông, ông vẫn mang hình dáng của một vị chủ soái, một vị lãnh đạo. Người anh hùng ấy dù cho thất thế nhưng vẫn giữ được thể lực, uy quyền của mình. Thật đáng khâm phục! Mặc dù ở trong tù, ông vẫn thản nhiên “ăn thịt, uống rượu như một việc vẫn làm trong hững bình sinh”. Huân Cao hoàn toàn tự do về tinh thần. Khi viên cai ngục hỏi Huân Cao cần gì thì ông trả lời:

“Người hỏi ta cần gì à? Ta chỉ muốn một điều là người đừng bước chân vào đây”.

Cách trả lời ngang tàng, ngạo mạn đầy trịch thượng như vậy là bởi vì Huân Cao vốn hiền ngang, kiên cường; “đến cái chết chém cũng còn chẳng sợ ...”. Ông không thèm đếm xỉa đến sự trả thù của kẻ đã bị mình xúc phạm. Huân Cao rất có ý thức được vị trí của mình trong xã hội, ông biết đặt vị trí của mình lên trên những loại dơ bẩn “cặn bã” của xã hội. “Bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất”. Huân Cao là người có “thiên lương” trong sáng, cao đẹp. Theo ông, chỉ có “thiên lương”, bản chất tốt đẹp của con người mới là đáng quý. Thế nhưng khi biết được nỗi lòng của viên quản ngục, Huân Cao vui vẻ nhận lời cho chữ mà còn thốt rằng: “Ta cảm tấm lòng biệt nhơn liên tài của các người. Ta biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có sở thích cao quý đến như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ một tấm lòng trong thiên hạ”. Huân Cao cho chữ là một việc rất hiếm bởi vì “tính ông vốn khoảnh. Ta không vì vàng bạc hay uy quyền mà ép cho chữ bao giờ”.

Hành động cho chữ viên quản ngục chứng tỏ Huân Cao là một con người biết quý trọng cái tài, cái đẹp, biết nâng niu những kẻ tâm thường lên ngang hàng với mình.

Cảnh “cho chữ” diễn ra thật lạ, quả là cảnh tượng “xưa nay chưa từng có”. Kẻ tử tù “cổ đeo gông, chân vướng xiềng” đang “đậm tô từng nét chữ trên vuông lụa bạch trắng tinh” với tư thế ung dung tự tại, Huân Cao đang dồn hết tinh hoa vào từng nét chữ. Đó là những nét chữ cuối cùng của con người tài hoa ấy. Những nét chữ chứa chan tấm lòng của Huân Cao và thấm đẫm nước mắt thương cảm của người đọc. Con người tài hoa vô tội kia chỉ mới cho chữ ba lần trong đời đã vội vã ra đi, để lại biết bao tiếc nuối cho người đọc. Qua đó, Nguyễn Tuân cũng gián tiếp lên án xã hội đương thời đã vùi dập tài hoa con người. Và người tù kia bỗng trở nên có quyền uy trước những người đang chịu trách nhiệm giam giữ mình. Ông Huân đã khuyên viên quản ngục như một người cha khuyên bảo con: “Tôi bảo thực thầy quản nên về quê ở đã rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây khó giữ được thiên lương cho lành vững rồi cũng có ngày nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi”.

Theo Huân Cao, cái đẹp không thể nào ở chung với cái xấu được. Con người chỉ thưởng thức cái đẹp khi có bản chất trong sáng, nhân cách cao thượng mà thôi. Những nét chữ cuối cùng đã cho rồi, những lời nói cuối cùng đã nói rồi. Huân Cao, người anh hùng tài hoa kia dù đã ra đi mãi mãi nhưng để lại ấn tượng sâu sắc cho những ai đã thấy, đã nghe, đã từng được thưởng thức nét chữ của ông. Sống trên cõi đời này, Huân Cao đã đứng lên đấu tranh vì lẽ phải; đã xóa tan bóng tối hắc ám của cuộc đời này. Chính vì vậy, hình tượng Huân Cao đã trở nên bất tử. Huân Cao sẽ không chết mà bước sang một cõi khác để xóa tan bóng tối nơi đó, đem lại hạnh phúc cho mọi người ở mọi nơi.

Ở Huân Cao ánh lên vẻ đẹp của cái “tài” và cái “tâm”. Trong cái “tài” có cái “tâm” và cái “tâm” ở đây chính là nhân cách cao thượng sáng ngời của một con người tài hoa. Cái đẹp luôn song song “tâm” và “tài” thì cái đẹp đó mới trở nên có ý nghĩa thực sự. Xây dựng hình tượng Huân Cao, nhà văn Nguyễn Tuân đã thành công trong việc xây dựng nên chân dung nghệ thuật điển hình lí tưởng trong văn học thẩm mỹ. Dù cho Huân Cao đã đi đến cõi nào chẳng nữa thì ông vẫn sẽ mãi trong lòng người đọc thế hệ hôm nay và mai sau.

DẠNG ĐỀ CẢM NHẬN CHI TIẾT CŨNG LÀM TƯƠNG TỰ

5. Cách làm dạng đề so sánh hai nhân vật trong tác phẩm văn học

MỞ BÀI:

- Dẫn dắt (mở bài trực tiếp không cần bước này)
- Giới thiệu khái quát về tác giả tác phẩm và nhân vật thứ nhất.
- Giới thiệu khái quát về tác giả tác phẩm và nhân vật thứ hai.
- Giới thiệu vấn đề nghị luận

THÂN BÀI:

1. Phân tích nhân vật thứ nhất trong mối tương quan với nhân vật thứ hai (bước này vận dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận nhưng chủ yếu là thao tác lập luận phân tích)
2. Phân tích nhân vật thứ hai trong mối tương quan với nhân vật thứ nhất (bước này vận dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận nhưng chủ yếu là thao tác lập luận phân tích)

Chú ý bám sát vấn đề nghị luận

3. So sánh: nét tương đồng và khác biệt giữa hai nhân vật (bước này vận dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận nhưng chủ yếu là thao tác lập luận phân tích và thao tác lập luận so sánh)

4. Lý giải sự khác biệt

Do: bối cảnh xã hội, phong cách nhà văn... (bước này vận dụng nhiều thao tác lập luận nhưng chủ yếu là thao tác lập luận phân tích)

KẾT BÀI:

- Khái quát những nét giống nhau và khác nhau tiêu biểu
- Có thể nêu những cảm nghĩ của bản thân.

*** Ví dụ minh họa:**

Cảm nhận của anh/chị về những vẻ đẹp của nhân vật người vợ nhặt (Vợ nhặt – Kim Lân) và nhân vật người đàn bà hàng chài (Chiếc thuyền ngoài xa – Nguyễn Minh Châu).

MỞ BÀI

Giới thiệu khái quát về hai nhân vật trong hai tác phẩm

- Kim Lân là nhà văn chuyên viết về nông thôn và cuộc sống người dân quê, có sở trường về truyện ngắn. Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc, viết về tình huống “nhặt vợ” độc đáo, qua đó thể hiện niềm tin mãnh liệt vào phẩm chất tốt đẹp của những con người bình dị trong nạn đói thảm.

– Nguyễn Minh Châu là nhà văn tiêu biểu thời chống Mỹ, cũng là cây bút tiên phong thời đổi mới. Chiếc thuyền ngoài xa là truyện ngắn xuất sắc ở thời kì sau, viết về lần giáp mặt của một nghệ sĩ với cuộc sống đầy nghịch lí của một gia đình hàng chài, qua đó thể hiện lòng xót thương, nỗi lo âu đối với con người và những trăn trở về trách nhiệm của người nghệ sĩ.

THÂN BÀI

1. Nhân vật người vợ nhặt

– Giới thiệu chung: Tuy không được miêu tả thật nhiều nhưng người vợ nhặt vẫn là một trong ba nhân vật quan trọng của tác phẩm. Nhân vật này được khắc hoạ sống động, theo lối đối lập giữa bề ngoài và bên trong, ban đầu và về sau.

– Một số vẻ đẹp khuất lấp tiêu biểu:

- + Phía sau tình cảnh trôi dạt, vất vưởng, là một lòng ham sống mãnh liệt.
- + Phía sau vẻ nhếch nhác, dơ dáy, lại là một người biết điều, ý tứ.
- + Bên trong vẻ chao chát, chông lòn, lại là một người phụ nữ hiền hậu, đúng mực, biết lo toan.

2. Nhân vật người đàn bà chài

– Giới thiệu chung: Là nhân vật chính, có vai trò quan trọng với việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Nhân vật này được khắc hoạ sắc nét, theo lối tương phản giữa bề ngoài và bên trong, giữa thân phận và phẩm chất.

– Một số vẻ đẹp khuất lấp tiêu biểu:

- + Bên trong ngoại hình xấu xí, thô kệch là một tấm lòng nhân hậu, vị tha, độ lượng, giàu đức hi sinh.
- + Phía sau vẻ cam chịu, nhẫn nhục vẫn là một người có khát vọng hạnh phúc, can đảm, cứng cỏi.
- + Phía sau vẻ quê mùa, thất học lại là một người phụ nữ thấu hiểu, sâu sắc lẽ đời.

3. So sánh

– Tương đồng: Cả hai nhân vật đều là những thân phận bé nhỏ, nạn nhân của hoàn cảnh. Những vẻ đẹp đáng trân trọng của họ đều bị đời sống cơ cực lam lũ làm khuất lấp. Cả hai đều được khắc hoạ bằng những chi tiết chân thực...

– Khác biệt: Vẻ đẹp được thể hiện ở nhân vật người vợ nhặt chủ yếu là những phẩm chất của một nàng dâu mới, hiện lên qua các chi tiết đầy dư vị hóm hỉnh, trong nạn đói thê thảm. Vẻ đẹp được khắc sâu ở người đàn bà hàng chài là những phẩm chất của một người mẹ nặng gánh mưu sinh, hiện lên qua các chi tiết đầy kịch tính, trong tình trạng bạo lực gia đình...

4. Lý giải sự khác biệt

+ Vẻ đẹp khuất lấp của người vợ nhặt được đặt trong quá trình phát triển, biến đổi từ thấp đến cao (cảm hứng lãng mạn), trong khi đó người đàn bà chài lưới lại tĩnh tại, bất biến như một hiện thực nhứt nhối đang tồn tại (cảm hứng thể sự-đời tư trong khuynh hướng nhận thức lại)

+ Sự khác biệt giữa quan niệm con người giai cấp (Vợ nhặt) với quan niệm con người đa dạng, phức tạp (Chiếc thuyền ngoài xa) đã tạo ra sự khác biệt này

(có thể có thêm nhiều ý khác, tùy thuộc mức độ phân hóa của đề thi)

KẾT BÀI

– Khái quát những nét giống nhau và khác nhau tiêu biểu.

– Có thể nêu những cảm nghĩ của bản thân.

(Học sinh dựa vào gợi ý bên để viết kết bài. Có nhiều cách kết bài khác nhau, hướng dẫn bên chỉ có tính chất tham khảo)

Trong quá trình làm bài, học sinh không nhất thiết phải tuân thủ nghiêm ngặt qui trình trên. Có thể phối hợp nhiều bước cùng một lúc. Chẳng hạn, có thể đồng thời vừa phân tích làm rõ, vừa thực hiện nhiệm vụ so sánh trên hai bình diện nội dung và nghệ thuật, vừa lí giải nguyên nhân vì sao khác nhau. Hoặc chỉ trong bước so sánh, học sinh có thể kết hợp vừa so sánh vừa lí giải. Tuy nhiên, nếu thực hiện theo cách này thì bài viết không khéo sẽ rơi vào rối rắm, luẩn quẩn. Tốt nhất là thực hiện tuần tự như trong dàn ý khái quát.

SO SÁNH HAI BÀI THƠ, HAI ĐOẠN THƠ CŨNG LÀM TƯƠNG TỰ

6. Dạng đề bình luận một ý kiến bàn về văn học

Kiểu bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là kiểu bài phổ biến trong các đề thi ngữ văn. Tuy nhiên nhiều em học sinh chưa biết cách làm kiểu bài này. đôi khi các em sa đà vào phân tích lan man hoặc không biết bắt đầu từ đâu

1. Để làm tốt kiểu bài này các em cần có những kĩ năng nhất định. cách làm bài như sau:

• Mở bài:

– Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu tác giả tác phẩm

– Nêu xuất xứ và trích dẫn ý kiến.

• Thân bài:

– Giải thích, làm rõ vấn đề:

+ Giải thích, cắt nghĩa các từ, cụm từ có nghĩa khái quát hoặc hàm ẩn trong ý kiến.

+ Sau khi cắt nghĩa các từ ngữ cần thiết cần phải giải thích, làm rõ nội dung của cả ý kiến. Thường trả lời các câu hỏi: Ý kiến trên đề cập đến vấn đề gì? Câu nói ấy có ý nghĩa như thế nào?

– Bàn bạc, khẳng định vấn đề. Có thể lập luận theo cách sau:

+ Khẳng định ý kiến đó đúng hay sai? cụ thể?

+ Lí giải tại sao lại nhận xét như thế? Căn cứ vào đâu để có thể khẳng định được như vậy?

+ Điều đó được thể hiện cụ thể như thế nào trong tác phẩm, trong văn học và trong cuộc sống? phân tích và lấy dẫn chứng trong tác phẩm văn học.

– Mở rộng, nâng cao, đánh giá ý nghĩa của vấn đề đó với cuộc sống, với văn học.

• Kết bài:

+ Khẳng định lại tính chất đúng đắn của vấn đề.

+ Rút ra những bài học cho bản thân từ vấn đề.

2. Ví dụ minh họa

Có ý kiến cho rằng: “Hành động cắt dây trói cứu A Phủ của Mị cũng là hành động cắt đứt sợi dây ràng buộc mình với nhà thống lí Pá Tra”.

Nêu ý kiến của anh/ chị về vấn đề trên?

Nghị luận về ý kiến bàn về văn học: vợ chồng A phủ?

Đây là đề bài nghị luận về một ý kiến bàn về tác phẩm văn học, học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể đưa ra nhiều quan điểm, giám khảo linh hoạt cho điểm. Dưới đây chỉ là một vài yêu cầu cơ bản về nội dung:

• Mở bài:

– Dẫn dắt vấn đề , giới thiệu tác giả tác phẩm Vợ chồng A phủ(Tô Hoài)

– Nêu xuất xứ và trích dẫn ý kiến: “Hành động cắt dây trói cứu A Phủ của Mị cũng là hành động cắt đứt sợi dây ràng buộc mình với nhà thống lí Pá Tra”.

• Thân bài:

* Giải thích ý kiến:

– “Hành động cắt dây trói cứu A Phủ” của Mị: giải thoát cho A Phủ, cứu A Phủ khỏi những khổ đau mà cha con Pá Tra gây ra.

– Đó cũng là hành động cắt đứt sợi dây ràng buộc mình với nhà thống lí: Mị tự cứu bản thân mình, giải thoát khỏi nỗi sợ hãi về bóng ma thần quyền của nhà thống lí

* Phân tích, lí giải nguyên nhân dẫn tới hành động của Mị

– Ban đầu: Mị thản nhiên, lạnh lùng

– Sau khi nhìn thấy dòng nước mắt của A Phủ, Mị như choàng tỉnh: Mị nhớ lại cảnh ngộ của bản thân, cảnh ngộ của người đàn bà bị trói đến chết trước kia, thương A Phủ, muốn cứu A Phủ nhưng lại sợ bị “trói thay vào đây, phải chết trên cái cọc ấy”

– Tình thương người lấn át nỗi sợ hãi => Mị cắt dây trói cứu A Phủ. Đây không chỉ là hành động giải thoát cho A Phủ mà còn là sự chiến thắng chính nỗi sợ hãi của bản thân mình

* Ý nghĩa của hành động:

– Đó là kết quả của quá trình diễn biến tâm lí phức tạp nhưng hợp lí của Mị

– Thể hiện vẻ đẹp tâm hồn: lòng yêu thương, sức sống tiềm tàng => giúp Mị vượt qua nỗi sợ hãi từ bao lâu

– Thể hiện tư tưởng nhân đạo của nhà văn: phát hiện, trân trọng vẻ đẹp và sức sống của con người

• Kết bài:

+ Khẳng định lại tính chất đúng đắn của vấn đề :Hành động cứu A phủ cũng là hành động Mị tự cứu mình

+ Rút ra những bài học cho bản thân từ vấn đề : có thể nêu bài học cuộc sống,...

7. Kiểu bài nghị luận hai ý kiến bàn về văn học

Đây là kiểu bài phổ biến trong các kì thi, nhiều em còn chưa biết cách triển khai. Bài học hôm nay cô Thu Trang hướng dẫn các em cách làm dạng đề nghị luận hai ý kiến bàn về văn học.

Dấu hiệu nhận biết kiểu bài nghị luận về hai ý kiến :Đề bài thường đưa ra 2 ý kiến về 1 tác phẩm văn học (tác phẩm thơ, tác phẩm văn xuôi, trích đoạn, hình tượng nhân vật...). Hai ý kiến này có thể thuận chiều (cả 2 ý kiến cùng đúng, cùng có ý nghĩa làm rõ đặc điểm của tác phẩm, trích đoạn, hình tượng...) hoặc ngược chiều (một ý kiến đúng còn một ý kiến sai).

Ví dụ:

Về hình tượng người lính trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng, có ý kiến cho rằng: người lính ở đây có dáng dấp của các tráng sĩ thuở trước. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: hình tượng người lính mang đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ thời kháng chiến chống Pháp.

Từ cảm nhận của mình về hình tượng này, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

(Câu 3.a. Đề thi ĐH năm 2013 – Khối C)

Ví dụ 2:

Về nhân vật Phùng trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu, có ý kiến cho rằng: nét nổi bật ở người nghệ sĩ này là một tâm hồn nhạy cảm và say mê cái đẹp thơ mộng của cảnh vật. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: vẻ đẹp sâu xa của nghệ sĩ Phùng chính là một tấm lòng đầy trăn trở, lo âu về thân phận con người.

Từ cảm nhận của mình về nhân vật Phùng, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

(Câu 3.b. Đề thi ĐH năm 2013 – Khối D)

Ví dụ 3:

Về hình tượng sông Hương trong bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của Hoàng Phủ Ngọc Tường (sách Ngữ văn 12), có ý kiến cho rằng: Vẻ đẹp nổi bật của sông Hương là cảnh sắc thiên nhiên thơ mộng, tình tứ. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: Vẻ đẹp bề sâu của sông Hương là những trầm tích văn hóa, lịch sử.

Bằng cảm nhận về hình tượng sông Hương, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

(Câu III. Đề thi ĐH năm 2014 – Khối C)

Ví dụ 4:

Về hình tượng Lor-ca trong bài thơ “Đàn ghi ta của Lor-ca” của Thanh Thảo, có ý kiến cho rằng: Đó là mẫu nghệ sĩ – chiến sĩ, vì dân thân tranh đấu cho dân chủ và tự do nên bị bọn phát xít hành hình. Ý kiến khác thì khẳng định: Đó là mẫu nghệ sĩ thuần túy chỉ đam mê cái đẹp và sáng tạo nghệ thuật, nhưng bị giết hại oan khuất.

Bằng cảm nhận về hình tượng Lor-ca, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

(Câu III – Đề thi ĐH năm 2014 – Khối D)

Ví dụ 5:

Nhận định về niềm khát khao tận hưởng sự sống trong bài thơ “Vội vàng” của Xuân Diệu, từng có ý kiến cho rằng: đó là tiếng nói của cái tôi vị kỉ tiêu cực. Lại có ý kiến khẳng định: đó là tiếng nói của cái tôi cá nhân tích cực.

Từ cảm nhận của mình về niềm khát khao đó, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

(Câu 3.a. Đề thi ĐH năm 2013 – Khối D)

Cách làm bài:

1. Mở bài

- Giới thiệu vài nét tác giả, tác phẩm.
- Nêu vấn đề nghị luận (trích dẫn đầy đủ 2 ý kiến).

2. Thân bài

- Vài nét về tác giả, tác phẩm
- Giải thích ý kiến, nhận định : giải thích lần lượt từng nhận định
- Chứng minh, phân tích, cảm nhận nhận 2 định ý kiến . Phần này chiếm nhiều điểm nhất và yêu cầu hàm lượng kiến thức nhiều nhất. Học sinh lấy dẫn chứng trong tác phẩm để chứng minh lần lượt hai ý kiến.
- Bình luận ý kiến, nhận định: Sau khi phân tích, cảm nhận về 2 nhận định, học sinh bày tỏ ý kiến cá nhân về 2 nhận định, ý kiến đó và đưa ra lí do vì sao. Ví dụ như phủ định/ bác bỏ ý kiến sai; khẳng định ý kiến đúng; kết hợp hai ý kiến (bổ sung).

3. Kết bài: Đánh giá chung về vấn đề. Nhận xét về hai ý kiến

Bài tập minh họa :

“Về nhân vật Thị trong tác phẩm “ Vợ nhặt” của KimLân có ý kiến cho rằng: Đó là người phụ nữ lao động nghèo cùng đường và liều lĩnh. Nhưng ý kiến khác lại nhấn mạnh: Thị là người giàu nữ tính & khát vọng. Từ cảm nhận của mình về nhân vật anh (chị) hãy bình luận những ý kiến trên?

Mở bài :

- + Kim Lân là 1 cây bút chuyên viết truyện ngắn,thế giới nghệ thuật của ông tập trung ở khung cảnh nông thôn và người nông dân
- + Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc nhất của KL in trong tập.... 1962

Một trong những thành công của tp này là KL đã xây dựng rất thành công nhân vật thị- người phụ nữ khốn cùng trong nạn đói

Thân bài:

1. Giải thích ý kiến

- + Người phụ nữ cùng đường,liều lĩnh: người phụ nữ bị dồn đẩy vào 1 hoàn cảnh nghiệt ngã,không lối thoát, trở nên táo bạo trong ngôn ngữ và hành động, dường như không còn ý thức được về nhân cách & phẩm giá của mình

+ Người phụ nữ giàu nữ tính & khát vọng: người phụ nữ có nhiều nét đẹp dịu dàng, nhân hậu, mơ ước, khát khao

Cảm nhận nhân vật

2. Chứng minh ý kiến

+ Người phụ nữ khổ nghèo, cùng đường, liều lĩnh

Cùng đường: cái đói đã đẩy thị đến cảnh cùng 1 vài người con gái khác phải ngồi vêu ở nhà kho để nhặt hạt rơi, hạt vãi. Ngoại hình tiều tụy, áo quần tả tơi như tổ đĩa, gầy sọp, khuôn mặt.....thị phải tìm mọi cách để sống cho qua ngày, nhưng có lẽ rất khó khăn...mấy ngày thị k có đc cái gì vào miệng- thị đói và thị sẽ chết đói

Liều lĩnh: Thị bám vào câu hò vu vơ của người đàn ông xa lạ , gạ đc ăn, gạ đc theo không (ăn trong thò tục, ký tử) -> khổ của con người phải sống trong hèn, đau khổ “ sáng lên” “sà xuống”

Người phụ nữ giàu nữ tính & khát vọng

Giàu nữ tính: Trên con đường từ chợ về nhà, thị rón rén, e thẹn đi sau Tràng chừng 3,4 bước, xóc xóc lại tà áo, trước những cặp mắt đổ dồn vào phía mình, thị càng ngượng nghịu, chân nọ dứ vào chân kia... sáng hôm sau, thị trở nên hiền hậu và đứng mực k còn vẻ gì chao chát & chông lòn, thị biết vun vén cho gia đình

Khát vọng: Đó là khát vọng vượt qua nạn đói thê thảm, có một tổ ấm gia đình đơn sơ, hạnh phúc & 1 tương lai tốt đẹp

Nghệ thuật

+Nhân vật đc đặt vào 1 tình huống truyện độc đáo, lối trần thuật tự nhiên , hấp dẫn, làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh & tính cách

+Nhân vật được khắc họa sinh động thể hiện tâm lí tinh tế, ngôn ngữ mộc mạc, giản dị nhưng đậm cá tính, thể hiện hơi thở của đời sống lao động bình dân

3. Bình luận 2 ý kiến trên

Hai ý kiến đề cập đến những phương diện khác nhau về tính cách nhân vật

Ý kiến thứ nhất nhấn mạnh đến hoàn cảnh trớ trêu đối với thân phận con người, ý kiến thứ 2 khẳng định vẻ đẹp tâm hồn sâu xa của người nông dân VN, người phụ nữ- đều bị đẩy vào đường cùng vẫn khao khát hạnh phúc, hướng tới tương lai

Kết luận

Nhân vật Thị đã góp phần không nhỏ tạo lên giá trị của tác phẩm, tấm lòng và tài năng của nhà văn Kim Lân

Hai ý kiến tuy khác nhau nhưng k đối lập nhau mà bổ sung cho nhau, hợp thành sự nhìn nhận toàn diện và thống nhất, giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc và thấu đáo hơn về vẻ đẹp của nhân vật & tư tưởng của nhà văn

8. Nghị luận về vấn đề XH trong tác phẩm văn học

1. Một vài lưu ý chung.

– Dạng bài nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học là một dạng đề tích hợp giữa làm văn và đọc văn.

– Cần thấy rõ đây là kiểu bài nghị luận xã hội chứ không phải là nghị luận văn học. Tác phẩm văn học chỉ là “ cái có” khởi đầu. Mục đích chính của kiểu bài này là yêu cầu người viết bàn bạc nghị luận về một vấn đề xã hội , tư tưởng, nhân sinh đặt ra trong tác phẩm đó mà bàn luận , kiến giải.

2. Diễn giải sơ đồ cấu trúc tổng quát cách làm cho dạng bài nghị luận về vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học như sau:

Cũng giống như bố cục thông thường của một bài văn nghị luận, dạng bài nghị luận về vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học triển khai bố cục ba phần : Mở bài, Thân bài, Kết luận:

MỞ BÀI:

- Giới thiệu tác phẩm văn học
- Giới thiệu được vấn đề nghị luận ở dạng khái quát nhất và định hướng đi, phạm vi của bài viết.

THÂN BÀI:

Bài viết cho dạng này, ở phần thân bài thường gồm hai nội dung lớn:

– Phần một:

Phân tích, giới thiệu và nêu vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

+ Nếu đề văn nêu sẵn vấn đề rút ra từ một tác phẩm đã học, thì phân tích qua vấn đề ấy đã được thể hiện như thế nào trong tác phẩm.

+ Nếu đề nêu một văn bản chưa học, không cho sẵn vấn đề, thì cần đọc hiểu, phân tích để rút ra vấn đề xã hội và ý nghĩa của vấn đề trước khi vào phần hai.

– Phần hai (trọng tâm):

Nghị luận về vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm văn học (câu chuyện). Khi đã có vấn đề (đề tài, chủ đề) cần bàn bạc rồi, thì mới bắt đầu làm bài nghị luận xã hội, nêu lên suy nghĩ của bản thân mình về vấn đề ấy. Tùy thuộc kiểu bài (nghị luận về tư tưởng đạo lí, hay nghị luận về hiện tượng xã hội) mà xác định các bước làm bài phù hợp.

KẾT BÀI:

Phần kết bài có nhiệm vụ tổng kết, đánh giá vấn đề đặt ra ở mở bài và đã giải quyết ở thân bài, góp phần tạo tính hoàn chỉnh, trọn vẹn cho bài văn.

Ví dụ minh họa:

Đề bài :

Sau khi học truyện ngắn “Người trong bao” của Sê-khốp, em hiểu thế nào là lối sống trong bao? Theo em, ở tầng lớp thanh niên trong xã hội hiện nay có còn kiểu người đó? Em có thái độ và hành động như thế nào với lối sống trong bao?

Dàn ý

Mở bài:

- Giới thiệu về nhân vật Bê-li-cốp trong truyện ngắn “Người trong bao”.
- Dẫn dắt vào vấn đề nghị luận: một lối sống hèn nhát, thu mình

Thân bài:

- Kiểu người Bê-li-cốp là như thế nào?(sống hèn nhát, thu mình, ích kỉ)
- + Biểu hiện ở lối sống, quan điểm, tư tưởng, tình cảm
- + Nguyên nhân dẫn đến lối sống đó: nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan
- + Tác hại của lối sống đó với bản thân và với cộng đồng
- Trong xã hội hiện nay:
 - + Thanh niên phải sống mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm
 - + Còn một bộ phận thanh niên sống thu mình, hèn nhát, ích kỉ: biểu hiện? tác hại?
- Thái độ và hành động của bản thân với lối sống trong bao.
 - + Thái độ của bản thân: cần lên án, bài trừ lối sống đó.
 - + Hành động: Với bản thân: sống mạnh dạn, dám thử sức, dám đấu tranh, dám tiếp thu cái mới.

Với cộng đồng: gần gũi, giúp đỡ những kẻ sống hèn nhất.

Kết bài:

- Đánh giá ý nghĩa của vấn đề
- Bài học đối với bản thân